

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2023

(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiêu

2/. Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL,
tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị
Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày
16 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung”
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3
năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-HN ngày 20 tháng 4 năm
2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị HTU, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp VPB, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh PVK, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp VPB, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

(ChịU có đơn xin vắng mặt, anhK vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời
khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn
chị HTU trình bày: Vào năm 2010, được sự thống nhất cho phép của hai bên gia đình
tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anhK nên vợ
thành chồng, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng
ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL cấp giấy chứng
nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn đề nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh K là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Anh K không có chí thú làm ăn, không biết quan tâm đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hiện tại chị và anh K đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh PVK.

Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh K chung sống với nhau có 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015. Hiện tại cháu Y và M đang sống cùng với chị U. Nay ly hôn chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị U xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ ai nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn anh PVK trình bày: Về hôn nhân, con chung, về tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị HTU. Trong cuộc sống gia đình, anh và chị U có phát sinh mâu thuẫn như lời của chị U trình bày nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, hiện tại vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng yêu cầu được đoàn tụ với chị HTU để cùng nhau lo lắng cho cuộc sống của các con sau này.

Về con chung: Nếu chị U cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho chị U và anh được ly hôn với nhau thì anh cũng đồng ý giao con cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị HTU là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Thẩm phán thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh PVK chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị U và anh K kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị U và anh K nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị U được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chịU và anhK sống ly thân cho đến nay thì chịU là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. ChịU vẫn đảm bảo phát triển về mọi mặt cho các con. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu KimY vàYM thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng với chịU khi chịU và anhK ly hôn với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chịU và anhK không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị HTU phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị HTU có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh PVK. AnhK có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị HTU có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chịU.

Anh PVK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anhK vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anhK.

[2] Về nội dung vụ án: ChịU và anhK thống nhất xác định anh chị kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chịU đối với anhK thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chịU và anhK lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chịU trình bày, trong cuộc sống vợ chồng anhK không có chí thú làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không biết quan tâm đến vợ con, cho nên hiện tại chị không còn tình cảm gì với anhK nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh PVK.

Anh PVK trình bày, hiện tại anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng yêu cầu được đoàn tụ với chị HTU để cùng nhau lo lắng cho cuộc sống của các con sau này. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù anhK xác

định còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn lại với chịU nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng anhK không có thiện chí đến Tòa án cũng như không có biện pháp nào thể hiện ý chí mong muốn được hàn gắn lại với chịU. Từ đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chịU và anhK đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chịU đối với anhK là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chịU và anhK chung sống với nhau có 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015. Từ lúc chịU và anhK sống ly thân với nhau cho đến nay thì chịU là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháuY vàM. Cho đến thời điểm hiện tại chịU vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển mọi mặt cho con. Mặc khác, qua tiếp xúc với hai cháuY vàM thì cả hai cháu có nguyện vọng cũng mong muốn được sống cùng với chịU khi chịU và anhK ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháuY vàM khi đang sống với chịU nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị HTU không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh PVK.

Anh PVK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anhK chứng minh được việc chịU nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ChịU và anhK không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chịU phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị HTU đối với anh PVK. Cho chị HTU được ly hôn với anh PVK.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cả hai cháuY vàM đang sống cùng với chịU nên được giữ nguyên.

Chị HTU không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh PVK.

Anh PVK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị HTU phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005631 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- CácK sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2023
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiêu

2/. Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-HN ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị HTU, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp VPB, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh PVK, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp VPB, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

(ChịU có đơn xin vắng mặt, anhK vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị HTU trình bày: Vào năm 2010, được sự thống nhất cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anhK nên vợ thành chồng, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để nay chị yêu cầu xin ly hôn với anhK là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. AnhK không có chí thú làm ăn, không biết quan tâm đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi

vã nhau, hiện tại chị và anh K đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh P.V.K.

Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh K chung sống với nhau có 02 người con chung tên P.T.K.Y, sinh ngày 07/4/2011 và Phan Y.M, sinh ngày 30/6/2015. Hiện tại cháu Y và M đang sống cùng với chị U. Nay ly hôn chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị U xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ ai nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn anh P.V.K trình bày: Về hôn nhân, con chung, về tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị H.T.U. Trong cuộc sống gia đình, anh và chị U có phát sinh mâu thuẫn như lời của chị U trình bày nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, hiện tại vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng yêu cầu được đoàn tụ với chị H.T.U để cùng nhau lo lắng cho cuộc sống của các con sau này.

Về con chung: Nếu chị U cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho chị U và anh được ly hôn với nhau thì anh cũng đồng ý giao con cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.L phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị H.T.U là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Thẩm phán thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh P.V.K chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị U và anh K kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị U và anh K nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị U được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị U và anh K sống ly thân cho đến nay thì chị U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Chị U vẫn đảm bảo phát triển về mọi mặt cho các con. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu Kim Y và Y.M thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị U khi chị U và anh K ly hôn với nhau nên đề nghị

Hội đồng xét xử giao cả 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chịU và anhK không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị HTU phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị HTU có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh PVK. AnhK có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị HTU có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chịU.

Anh PVK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anhK vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anhK.

[2] Về nội dung vụ án: ChịU và anhK thống nhất xác định anh chị kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chịU đối với anhK thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chịU và anhK lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chịU trình bày, trong cuộc sống vợ chồng anhK không có chí thú làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không biết quan tâm đến vợ con, cho nên hiện tại chị không còn tình cảm gì với anhK nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh PVK.

Anh PVK trình bày, hiện tại anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng yêu cầu được đoàn tụ với chị HTU để cùng nhau lo lắng cho cuộc sống của các con sau này. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù anhK xác định còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn lại với chịU nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng anhK không có thiện chí đến Tòa án cũng như không có biện pháp nào thể hiện ý chí mong muốn được hàn gắn lại với chịU. Từ đó, có cơ sở

xác định cuộc sống hôn nhân của chịU và anhK đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chịU đối với anhK là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chịU và anhK chung sống với nhau có 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015. Từ lúc chịU và anhK sống ly thân với nhau cho đến nay thì chịU là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháuY vàM. Cho đến thời điểm hiện tại chịU vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển mọi mặt cho con. Mặc khác, qua tiếp xúc với hai cháuY vàM thì cả hai cháu có nguyện vọng cũng mong muốn được sống cùng với chịU khi chịU và anhK ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháuY vàM khi đang sống với chịU nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị HTU không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh PVK.

Anh PVK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anhK chứng minh được việc chịU nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ChịU và anhK không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chịU phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị HTU đối với anh PVK. Cho chị HTU được ly hôn với anh PVK.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cả hai cháuY vàM đang sống cùng với chịU nên được giữ nguyên.

Chị HTU không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh PVK.

Anh PVK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị HTU phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005631 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Hồng Lành

Danh Văn An

Đặng Văn Chiêu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PL, ngày 09 tháng 5 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....phút ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Văn An**
- Cùng các vị Hội thẩm:

1/. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2/. Ông **Đặng Văn Chiêu**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa cácK sự:

- Nguyên đơn: Chị HTU, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp VPB, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh PVK, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp VPB, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị HTU đối với anh PVK. Cho chị HTU được ly hôn với anh PVK.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên PTKY, sinh ngày 07/4/2011 và PhanYM, sinh ngày 30/6/2015 cho chịU được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cả hai cháuY vàM đang sống cùng với chịU nên được giữ nguyên.

Chị HTU không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh PVK.

Anh PVK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị HTU phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005631 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc.....giờ.....phút, ngày 09 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Lành

Đặng Văn Chiểu

Danh Văn An